

**DANH SÁCH**  
**THÍ SINH THAM DỰ VÒNG 2 KỲ THI TUYỂN CÔNG CHỨC**  
**BỘ VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH NĂM 2025**  
*(Kèm theo Thông báo số 5039 /TB-HĐTDCC ngày 29 tháng 9 năm 2025*  
*của Hội đồng tuyển dụng công chức Bộ VH-TT-DL năm 2025)*

**ĐƠN VỊ: CỤC PHÁT THANH, TRUYỀN HÌNH VÀ THÔNG TIN ĐIỆN TỬ**

| Số TT     | Số báo danh                                                                                                    | Họ và tên thí sinh |       | Ngày tháng năm sinh |            | Quê quán  | Vị trí việc làm đăng ký tuyển dụng                                                         | Đối tượng ưu tiên | Kết quả thi môn điều kiện (Vòng 1) | Lĩnh vực thi nghiệp vụ chuyên ngành (Vòng 2) | Ghi chú |
|-----------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------|-------|---------------------|------------|-----------|--------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|------------------------------------|----------------------------------------------|---------|
|           |                                                                                                                | Họ và đệm          | Tên   | Nam                 | Nữ         |           |                                                                                            |                   |                                    |                                              |         |
| 1         | 2                                                                                                              | 3                  | 4     | 5                   | 6          | 7         | 8                                                                                          | 9                 | 10                                 | 11                                           | 12      |
| <b>I</b>  | <b>Chuyên viên về quản lý phát thanh, truyền hình, Phòng Phát thanh, Truyền hình: 01 chỉ tiêu</b>              |                    |       |                     |            |           |                                                                                            |                   |                                    |                                              |         |
| 1         | VH015                                                                                                          | Đỗ Châu            | Anh   |                     | 22/11/2003 | Ninh Bình | Chuyên viên về quản lý phát thanh, truyền hình, Phòng Phát thanh, Truyền hình              | Dân tộc Nùng      | 32/60                              | Lĩnh vực quản lý phát thanh, truyền hình     | Đạt     |
| 2         | VH024                                                                                                          | Lương Minh         | Anh   |                     | 16/12/2003 | Ninh Bình | Chuyên viên về quản lý phát thanh, truyền hình, Phòng Phát thanh, Truyền hình              |                   | 35/60                              | Lĩnh vực quản lý phát thanh, truyền hình     | Đạt     |
| 3         | VH082                                                                                                          | Nguyễn Quang       | Công  | 30/01/1996          |            | Hà Nội    | Chuyên viên về quản lý phát thanh, truyền hình, Phòng Phát thanh, Truyền hình              |                   | 40/60                              | Lĩnh vực quản lý phát thanh, truyền hình     | Đạt     |
| 4         | VH133                                                                                                          | Đặng Trường        | Giang | 25/4/1999           |            | Bắc Ninh  | Chuyên viên về quản lý phát thanh, truyền hình, Phòng Phát thanh, Truyền hình              |                   | 37/60                              | Lĩnh vực quản lý phát thanh, truyền hình     | Đạt     |
| 5         | VH543                                                                                                          | Trần Ngọc          | Mai   |                     | 28/12/1996 | Phú Thọ   | Chuyên viên về quản lý phát thanh, truyền hình, Phòng Phát thanh, Truyền hình              |                   | 39/60                              | Lĩnh vực quản lý phát thanh, truyền hình     | Đạt     |
| 6         | VH321                                                                                                          | Nguyễn Phương Trà  | My    |                     | 12/10/2002 | Hà Nội    | Chuyên viên về quản lý phát thanh, truyền hình, Phòng Phát thanh, Truyền hình              |                   | 42/60                              | Lĩnh vực quản lý phát thanh, truyền hình     | Đạt     |
| 7         | VH367                                                                                                          | Chữ Tuấn           | Ninh  | 11/8/2003           |            | Hà Nội    | Chuyên viên về quản lý phát thanh, truyền hình, Phòng Phát thanh, Truyền hình              |                   | 34/60                              | Lĩnh vực quản lý phát thanh, truyền hình     | Đạt     |
| 8         | VH453                                                                                                          | Phan Phương        | Thảo  |                     | 27/4/2000  | Hà Nội    | Chuyên viên về quản lý phát thanh, truyền hình, Phòng Phát thanh, Truyền hình              |                   | 31/60                              | Lĩnh vực quản lý phát thanh, truyền hình     | Đạt     |
| 9         | VH488                                                                                                          | Ngô Thu            | Trang |                     | 11/12/1994 | Hà Nội    | Chuyên viên về quản lý phát thanh, truyền hình, Phòng Phát thanh, Truyền hình              |                   | 30/60                              | Lĩnh vực quản lý phát thanh, truyền hình     | Đạt     |
| <b>II</b> | <b>Chuyên viên về pháp chế (lĩnh vực phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử), Văn phòng: 01 chỉ tiêu</b> |                    |       |                     |            |           |                                                                                            |                   |                                    |                                              |         |
| 1         | VH014                                                                                                          | Đào Phương         | Anh   |                     | 20/01/2000 | Hưng Yên  | Chuyên viên về pháp chế (lĩnh vực phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử), Văn phòng |                   | 32/60                              | Lĩnh vực pháp chế                            | Đạt     |
| 2         | VH064                                                                                                          | Nguyễn An          | Bình  |                     | 22/02/2000 | Hà Nội    | Chuyên viên về pháp chế (lĩnh vực phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử), Văn phòng |                   | 35/60                              | Lĩnh vực pháp chế                            | Đạt     |
| 3         | VH232                                                                                                          | Nguyễn Văn         | Huỳnh | 10/6/1998           |            | Hải Phòng | Chuyên viên về pháp chế (lĩnh vực phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử), Văn phòng |                   | 48/60                              | Lĩnh vực pháp chế                            | Đạt     |

|   |       |                 |        |           |            |           |                                                                                            |  |       |                   |     |
|---|-------|-----------------|--------|-----------|------------|-----------|--------------------------------------------------------------------------------------------|--|-------|-------------------|-----|
| 4 | VH199 | Trần Thị Ánh    | Hồng   |           | 17/10/1993 | Bắc Ninh  | Chuyên viên về pháp chế (lĩnh vực phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử), Văn phòng |  | 42/60 | Lĩnh vực pháp chế | Đạt |
| 5 | VH340 | Nguyễn Thị      | Ngát   |           | 27/3/2002  | Ninh Bình | Chuyên viên về pháp chế (lĩnh vực phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử), Văn phòng |  | 30/60 | Lĩnh vực pháp chế | Đạt |
| 6 | VH344 | Lê Nguyễn Ánh   | Ngọc   |           | 26/7/2003  | Phú Thọ   | Chuyên viên về pháp chế (lĩnh vực phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử), Văn phòng |  | 43/60 | Lĩnh vực pháp chế | Đạt |
| 7 | VH423 | Đinh Thị        | Tài    |           | 04/3/2002  | Hà Nội    | Chuyên viên về pháp chế (lĩnh vực phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử), Văn phòng |  | 40/60 | Lĩnh vực pháp chế | Đạt |
| 8 | VH461 | Nguyễn Hữu      | Thịnh  | 02/4/1990 |            | Phú Thọ   | Chuyên viên về pháp chế (lĩnh vực phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử), Văn phòng |  | 42/60 | Lĩnh vực pháp chế | Đạt |
| 9 | VH468 | Nguyễn Thị Hồng | Thương |           | 15/01/1997 | Nghệ An   | Chuyên viên về pháp chế (lĩnh vực phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử), Văn phòng |  | 35/60 | Lĩnh vực pháp chế | Đạt |